

nguyên hồng cầu không lồ do thiếu acid folic- Ngày uống 1-2 viên.

Chống chỉ định : Thiếu máu nguyên hồng cầu không lồ thứ phát do thiếu vitamin B12.

Vitamin C

Tên khác : *Acid ascorbic*
L-ascorbic acid

Có các dẫn xuất : Muối calci, muối magne, palmityl este, muối natri.

Dạng thuốc : Viên nén hoặc bọc đường 50-100-200 và 500mg, viên nén sủi bọt 1g, ống tiêm 1-2 và 5ml dung dịch 5% hoặc 10%.

Tác dụng : Tham gia vào chuyển hóa glucid, acid folic, ảnh hưởng đến quá trình đông máu và thẩm thấu ở mao mạch.

Được chiết xuất từ ớt chín, (*capsicum annuum*), các nguồn cây như hoa tầm xuân, quả chín tươi của một số loài khác nhau của họ hồng (*Rosaceae*) như đen, nước ép của citrus và bằng phương pháp tổng hợp.

Chỉ định : Phòng điều trị bệnh scorbut và các chứng chảy máu do thiếu vitamin C. Tăng sức đề kháng ở cơ thể khi mắc bệnh nhiễm khuẩn.

Liều dùng : Uống : người lớn 0,2-1g/24giờ. Trẻ em 0,1-0,5g/24giờ.

Tiêm bắp hoặc tĩnh mạch : người lớn 0,1-0,5g/24giờ. Trẻ em 0,05-0,20g/ngày.

Chống chỉ định : Bệnh sỏi thận : (dùng quá 1g/24 giờ).

Lưu ý : *Coi chừng sốc phản vệ khi tiêm tĩnh mạch (chết người) vì có sulfat. - Không nên dùng thuốc vào buổi tối.*

- Ở một số người dùng trên 1g/ngày có thể bị rối loạn tiêu hóa, đau dạ dày, ỉa chảy, đọng Ca urat, oxalat....

phẩm chứa 40000 đvqt vitamin D/1mg - Điều hòa chuyển hóa phospho, calci.

Chỉ định : Phòng và chữa bệnh còi xương, nhuyễn xương, kinh nguyệt, lao xương và ngoài da, vảy nến.

Cơ cứng cơ do hạ calci máu.

Mất calci ở người mang thai.

Thiếu vitamin ở người trưởng thành.

Loãng xương.

Cơ giết do hạ calci máu.

Liều dùng : Người lớn 1mg/lần, 2-3 mg/24giờ.

Trẻ em dưới 3 tháng 5000 đvqt/24 giờ.

Phòng còi xương, tháng thứ nhất 800-1000 đvqt từ 2-3 tháng ngày uống 2000-3000 đvqt. Hoặc 6 tháng cho liều 60000 đvqt - Uống vào bữa ăn.

Bệnh còi xương : 10000- 20000 đvqt, chia 2-3 lần, đợt dùng 1-2 tháng.

Lao da : 100000 đvqt/ngày, đợt 5-6 tháng.

Chống chỉ định : Lao tiến triển, bệnh ở ruột và dạ dày, bệnh gan thận cấp và mạn, suy tim mất bù, tăng calci huyết, niệu và sỏi calci. Quá mẫn cảm với vitamin D.

Lưu ý : - Dùng lâu dài có thể ăn kém ngon, buồn nôn, nhức đầu, mệt mỏi, protein niệu, ỉa chảy. Triệu chứng thừa vitamin D phải ngừng thuốc.

- Không phối hợp với các thiazid (tăng calci huyết).

- Không phối hợp với các thuốc hoặc thực phẩm có vitamin D.

- Quá liều : chán ăn, khát nước, buồn nôn, tăng calci niệu, tăng calci huyết, rối loạn xét nghiệm thận.

Xử trí : Calcitonin, liệu pháp corticoid, uống nhiều nước, thuốc lợi tiểu, chế độ ít calci.

Vitamin D₃

Tên khác : *Cholecalciferol*
Colecalciferol

Dạng thuốc : Ống 1ml= 300.000 và 600.000 đvqt trong dung dịch dầu (tiêm sâu bắp thịt)

Tác dụng : Chất chống còi xương có trong dầu gan cá thu, tác dụng mạnh hơn Vitamin D₂. 1mg= 40.000 đvqt - vitamin D.

Chỉ định : Phòng và trị bệnh còi xương, loãng xương do suy tuyến cận giáp, xương gãy chậm liền, loãng xương, một số bệnh ngoài da : xơ cứng bì....

Liều dùng : Phòng còi xương trẻ em từ tuần lễ thứ 8, cứ 2-3 tháng tiêm 1 ống 300.000 đvqt. Trị còi xương dùng liều gấp đôi liều trên. Loãng xương, cứ 3 tháng tiêm 1 ống 600.000 đvqt.

Vitamin D₂

Tên khác : *Ergocalciferol*
Irradiated ergosterol

D- Vita

Ergosterol

Vidolen

Viosterol

Vitamin D

Dạng thuốc : Viên bọc đường 500 đvqt, dung dịch dầu 0,125%, dung dịch cồn (1ml có 200000 đvqt), ống tiêm 1,5ml có 600000 đvqt.

Tác dụng : Là hoạt chất chống còi xương thu được do chiếu tia tử ngoại vào ergosterol, dưới dạng tinh thể, không màu, gần như không mùi, không tan trong nước. Thành